

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, điều phối hoạt động tàu thuyền trên Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-CHVN ngày 20/8/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống báo hiệu hàng hải luồng Vũng Tàu - Thị Vải (nghiên cứu giải pháp phân luồng khu vực Vịnh Gành Rái - Vũng Tàu);

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải;

Căn cứ văn bản số 450/CHHĐTVN-VTATPT ngày 26/01/2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc thử nghiệm phân luồng hàng hải tại khu vực Vịnh Gành Rái;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, điều phối hoạt động tàu thuyền trên Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái” phục vụ công tác tổ chức thử nghiệm Phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Đại diện của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, thủ trưởng các tổ chức hoa tiêu hàng hải trong khu vực, thuyền trưởng tàu thuyền và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để báo cáo);
- UBND Tp. Hồ Chí Minh (để báo cáo);
- Các Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ ĐTNĐ trong khu vực;
- Các chủ tàu, đại lý tàu biển, doanh nghiệp cảng;
- Tổng Công ty Bảo đảm ATHH Việt Nam;
- BCH Bộ đội Biên phòng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin duyên hải Vũng Tàu;
- Đài thông tin duyên hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Ban Giám đốc cơ quan (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLKCHT, ĐPGTHH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Thức

**QUY CHẾ QUẢN LÝ, ĐIỀU PHỐI HOẠT ĐỘNG TÀU THUYỀN
TRÊN HỆ THỐNG PHÂN LUỒNG HÀNG HẢI
TẠI VỊNH GÀNH RÁI - VŨNG TÀU**

**MANAGEMENT AND COORDINATION REGULATIONS
FOR VESSEL OPERATIONS WITHIN THE TRAFFIC SEPARATION SCHEME
IN GANH RAI BAY – VUNG TAU**

Dự thảo

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Chapter I

GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng của Quy chế

Article 1. Purpose and scope of application of the Regulation

1. Quy chế này quy định về quản lý, điều phối hoạt động của tàu thuyền trên Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái - Vũng Tàu (gọi tắt là Quy chế) nhằm giám sát, hỗ trợ và hướng dẫn điều động tàu thuyền hành trình trên các tuyến giao thông được thiết lập phù hợp để giảm tần suất tàu hành trình đối hướng tại Vịnh Gành Rái và kiểm soát nguy cơ đâm va, nâng cao hiệu quả khai thác kết cấu hạ tầng công cộng cảng biển, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và ứng phó kịp thời với tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra (nếu có).

This Regulation provides for the management and coordination of vessel operations within the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay – Vung Tau (hereinafter referred to as “Regulation”), for the purpose of monitoring, supporting, and providing navigational guidance to vessels within the appropriately established traffic routes, reducing the frequency of opposing traffic flows in Ganh Rai Bay, controlling the risk of collision, enhancing the efficiency of public maritime infrastructure utilization, ensuring maritime safety and security, preventing environmental pollution, and providing timely response to maritime accidents and incidents (if any).

2. Quy chế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân và tàu thuyền hoạt động trong phạm vi Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái và khu vực vùng nước liên quan tại các cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh.

This Regulation applies to organizations, individuals, and vessels operating within the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay and the related waters of seaports located within the administrative area of Ho Chi Minh City.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

Article 2. Legal Basis

1. Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015;

The Vietnam Maritime Code 2015;

2. Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hàng hải và một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Decree No. 58/2017/ND-CP dated 10 May 2017 of the Government elaborating some articles of the Vietnam Maritime Code on management of maritime operations; Decree No. 34/2025/ND-CP dated 25 February 2025 of the Government amending and supplementing a number of articles of Decrees in the maritime sector;

3. Quy định 1, Quy định 10, Quy định 11, Quy định 12, Quy định 13 Chương V Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74), Nghị quyết A.572(14), Nghị quyết A.1158(32), Nghị quyết MSC.73(69), Thông tư MSC/Circ.1060 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO);

Regulation 1, Regulation 10, Regulation 11, Regulation 12, Regulation 13 of Chapter V of the International Convention for the Safety of Life at Sea (SOLAS 74), Resolution A.572(14), Resolution A.1158(32), Resolution MSC.73(69), Circular MSC/Circ.1060, and related amendments and supplements of the International Maritime Organization (IMO);

4. Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

Decree No. 16/2018/ND-CP dated 02 February 2018 of the Government on sea lanes and traffic separation schemes in the territorial sea of Vietnam;

5. Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước các cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh;

Circular No. 01/2026/TT-BXD dated 07 January 2026 of the Minister of Construction promulgating the waters of seaports located within the administrative area of Ho Chi Minh City, Tay Ninh Province, Dong Thap

Province, and the management area of Maritime Administration of Ho Chi Minh City;

6. Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (Colreg 72);

Circular No. 19/2013/TT-BGTVT dated 06 August 2013 of the Minister of Transport on the application of the International Regulations for Preventing Collisions at Sea (COLREG 72);

7. Thông tư số 75/2015/TT-BGTVT ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu hàng hải;

Circular No. 75/2015/TT-BGTVT dated 24 November 2015 of the Minister of Transport promulgating the National technical regulation on maritime aids to navigation;

8. Quyết định số 1093/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2022 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải;

Decision No. 1093/QĐ-BGTVT dated 09 August 2022 of the Ministry of Transport approving the investment project for upgrading the Cai Mep – Thi Vai navigation channel;

9. Quyết định số 1328/QĐ-CHHVN ngày 20/8/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống báo hiệu hàng hải luồng Vũng Tàu – Thị Vải (giải pháp Phân luồng Vịnh Gành Rái – Vũng Tàu);

Decision No. 1328/QĐ-CHHVN dated 20 August 2018 of the Vietnam Maritime Administration approving the technical and economic report for the improvement and upgrading of the Vung Tau – Thi Vai maritime aids to navigation system (Traffic Separation Scheme for Ganh Rai Bay – Vung Tau);

10. Quyết định số 699/QĐ-CHHVN ngày 16/5/2024 của Cục Hàng hải Việt nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) ban hành “Quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu”;

Decision No. 699/QĐ-CHHVN dated 16 May 2024 of the Vietnam Maritime Administration (now the Vietnam Maritime and Waterway Administration) promulgating the “Regulation on the management, operation, and utilization of the Saigon – Vung Tau maritime traffic monitoring and coordination system”;

11. Nội quy các cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh;

Regulations of seaports within the management area of Maritime Administration of Ho Chi Minh City;

12. Các quy định pháp luật liên quan khác.

Other relevant regulations of law.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Article 3. Subjects of Application

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài cụ thể sau đây:

This Regulation applies to relevant agencies, organizations, individuals, and to Vietnamese and foreign vessels as specified below:

a) Tàu thuyền nước ngoài có tổng dung tích từ 100 GT trở lên;

Foreign vessels of 100 GT or more;

b) Tàu thuyền Việt Nam được trang bị thiết bị nhận dạng tự động AIS và thiết bị liên lạc VHF, có tổng dung tích từ 300 GT trở lên, có chiều dài lớn nhất từ 50 mét trở lên hoặc đoàn tàu lai kéo có tổng dung tích từ 300 GT trở lên và có tổng chiều dài đoàn lai từ 50 mét trở lên;

Vietnamese vessels equipped with an Automatic Identification System (AIS) and VHF radiocommunication equipment, having a gross tonnage of 300 GT or more, a length overall (LOA) of 50 meters or more, or tug-tow combinations with a gross tonnage of 300 GT or more and a total tow length of 50 meters or more;

c) Tàu chở dầu, tàu chở hàng nguy hiểm;

Oil tankers and vessels carrying dangerous goods;

d) Tất cả các tàu khách.

All passenger vessels.

2. Tàu quân sự và tàu đang làm nhiệm vụ phục vụ cho mục đích an ninh, quốc phòng được miễn chế độ báo cáo nhưng phải chấp hành quy định liên quan khác tại Quy chế này.

Military vessels and vessels performing missions serving security or national defense purposes are exempt from reporting requirements but shall comply with other relevant provisions of this Regulation.

3. Tàu cá, tàu đưa đón hoa tiêu, tàu công vụ áp dụng Quy chế trong trường hợp có quy định cụ thể tại Quy chế này.

Fishing vessels, pilot boats, and public service vessels shall apply this Regulation where specifically provided herein.

Điều 4. Khái niệm và từ viết tắt

Article 4. Definitions and Abbreviations

a) IMO: Tổ chức Hàng hải Quốc tế.

IMO: The International Maritime Organization.

b) AIS: Hệ thống nhận dạng tự động.

AIS: The Automatic identification system.

c) VTS (Vessel Traffic Service): là hệ thống do Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, vận hành để giám sát, hỗ trợ và điều phối giao thông hàng hải nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường trong vùng nước cảng biển liên quan.

VTS (Vessel Traffic Service): A system managed and operated by the Maritime Administration of Ho Chi Minh City for monitoring, supporting, and coordinating maritime traffic to ensure maritime safety, maritime security, and environmental protection within the relevant seaport waters.

d) TSS (Traffic separation scheme): Hệ thống phân luồng hàng hải là biện pháp phân tuyến hành trình của tàu nhằm tách các luồng giao thông ngược chiều bằng phương pháp thích hợp và sắp xếp các tuyến giao thông phù hợp với điều kiện đặc thù hàng hải khu vực.

TSS (Traffic Separation Scheme): A traffic separation scheme is a measure designed to separate opposing flows of vessel traffic by appropriate means and organize traffic lanes consistent with local maritime conditions.

e) Routeing system: Hệ thống tuyến hàng hải của một hoặc nhiều tuyến hoặc các biện pháp phân tuyến nhằm giảm nguy cơ tai nạn; có thể bao gồm các sơ đồ phân luồng, tuyến hai chiều, tuyến đề xuất, khu vực cần tránh, khu giao thông ven bờ, vòng xoay, khu vực cảnh báo và tuyến nước sâu.

Routeing system: A system of one or more routes or routing measures aimed at reducing the risk of accidents, which may include traffic separation diagrams, two-way routes, recommended routes, areas to be avoided, inshore traffic zones, roundabouts, precautionary areas, and deep-water routes.

f) Separation zone or line: Vùng phân cách hoặc đường phân cách, khu vực hoặc một đường phân cách các tuyến giao thông, trong đó các tàu được lưu thông

ngược chiều hoặc theo các hướng gần ngược chiều; hoặc tách một tuyến giao thông từ vùng biển lân cận; hoặc tách tuyến giao thông được chỉ định cho các loại tàu riêng biệt lưu thông theo cùng một hướng.

Separation zone or line: A separation zone or separation line that divides traffic lanes in which vessels proceed in opposite or nearly opposite directions; or separates a traffic lane from adjacent waters; or separates lanes designated for different categories of vessels proceeding in the same general direction.

g) Traffic lane: Tuyến giao thông là khu vực trong các ranh giới xác định, trong đó giao thông một chiều được thiết lập. Các rào cản tự nhiên, bao gồm cả những khu vực tạo thành các khu vực phân tách, có thể cấu thành các ranh giới của tuyến.

Traffic lane: A traffic lane is an area within defined boundaries in which one-way traffic is established. Natural obstacles, including those forming separation zones, may constitute the boundaries of the lane.

h) Roundabout: Vòng xoay là biện pháp phân tuyến gồm một điểm phân cách hoặc khu phân cách tròn và một tuyến giao thông hình tròn nằm trong giới hạn xác định. Giao thông trong vòng xoay được tách biệt bằng cách tàu di chuyển theo hướng ngược chiều kim đồng hồ xung quanh điểm phân cách hoặc khu phân cách.

Roundabout: A routing measure consisting of a circular separation point or circular separation zone and a circular traffic lane within defined limits. Traffic in the roundabout is separated by proceeding anticlockwise around the separation point or separation zone.

i) Inshore traffic zone: Vùng nước giao thông ven bờ là biện pháp phân tuyến bao gồm một khu vực được chỉ định giữa biên giới phía đất liền của một sơ đồ phân luồng giao thông và bờ biển liền kề, được sử dụng phù hợp với các quy định tại khoản d, Điều 10 Quy tắc quốc tế phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (Colreg 72).

Inshore traffic zone: A routing measure consisting of a designated area between the landward boundary of a traffic separation diagram and the adjacent coastline, used in accordance with Clause d, Article 10 of the International Regulations for Preventing Collisions at Sea (Colreg 72).

j) Two-way route: Tuyến đường hai chiều là tuyến nằm trong các ranh giới xác định trong đó giao thông hai chiều được thiết lập, nhằm cho phép các tàu lưu thông an toàn qua các vùng nước tại các khu vực hành hải khó khăn, nguy hiểm.

Two-way route: A route within defined boundaries in which two-way traffic is established, allowing vessels to navigate safely through hazardous, dangerous navigational areas.

k) Deep-water route: Tuyến nước sâu là tuyến giao thông nằm trong các ranh giới xác định, đã được khảo sát chính xác về độ sâu và các vật cản chìm như được thể hiện trên hải đồ.

Deep-water route: A traffic route within defined boundaries that has been accurately surveyed for depth and underwater obstructions as shown on nautical charts.

l) Precautionary area: Vùng cảnh báo là biện pháp phân tuyến bao gồm một khu vực nằm trong các ranh giới xác định mà tàu thuyền phải hành trình với sự thận trọng đặc biệt và trong khu vực này hướng dẫn hàng hải chi tiết có thể được khuyến nghị.

Precautionary area: A routing measure consisting of an area within defined boundaries where vessels must navigate with particular caution, and in which detailed navigational guidance may be recommended.

m) Area to be avoided: Vùng cần tránh là biện pháp phân tuyến trong đó bao gồm một khu vực nằm trong các ranh giới xác định và việc hành trình trong khu vực này là rất nguy hiểm hoặc là tất cả tàu thuyền hoặc một số loại tàu thuyền phải tránh khu vực này để ngăn ngừa tai nạn.

Area to be avoided: A routing measure consisting of an area within defined boundaries where navigation is perilous, and which all vessels or certain categories of vessels shall avoid to prevent accidents.

n) Established direction of traffic flow: Hướng giao thông được thiết lập là hướng di chuyển đã được thiết lập cho các phương tiện trong một hệ thống phân luồng hàng hải.

Established direction of traffic flow: A direction of navigation established for traffic within a traffic separation scheme.

o) Recommended direction of traffic flow: Hướng giao thông được khuyến nghị là hướng di chuyển được khuyến nghị cho các phương tiện tại các khu vực mà việc thiết lập hướng giao thông là chưa cần thiết.

Recommended direction of traffic flow: A recommended direction of navigation for vessels in areas where establishing a direction of traffic flow is not required.

Điều 5. Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái

Article 5. The Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay

1. Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái

The Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay

Phạm vi khu vực thực hiện biện pháp Phân luồng hàng hải bắt đầu từ vị trí Phao báo hiệu hàng hải số "0" (Phao số 0) luồng Vũng Tàu - Thị Vải và kết thúc tại các khu vực: thượng lưu cặp Phao số "11", "12" khoảng 1000 m (điểm giới hạn số 44 và 57) luồng Vũng Tàu - Thị Vải; vị trí Phao số "4" luồng Sài Gòn - Vũng Tàu (điểm giới hạn số 52 và 57); thượng lưu Phao số "2" luồng Sông Dinh (điểm giới hạn số 35 và 37)

The area of application of the Traffic Separation Scheme begins at Navigation Buoy No. "0" (Buoy No. 0) of the Vung Tau – Thi Vai channel and ends at the following locations: approximately 1,000 meters upstream of Buoys No. "11" and "12" (limit points No. 44 and 57) of the Vung Tau – Thi Vai channel; Buoy No. "4" of the Sai Gon – Vung Tau channel (limit points No. 52 and 57); and upstream of Buoy No. "2" of the Dinh River channel (limit points No. 35 and 37).

(Phụ lục 1: Sơ đồ hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái)

(Appendix 1: Diagram of the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay)

1.1. Tuyến đường nước sâu

Deep-water route

Tuyến đường nước sâu (DW - Deep water route) bề rộng 350 m, được giới hạn bởi các điểm khống chế: (1), (7), (9), (13), (17), (21), (25), (29), (39), (41), (43), (45), (47), (49), (44), (42), (40), (38), (36), (34), (26), (24), (20), (16), (12), (8), (2); sử dụng cho các tàu thuyền có trọng tải toàn phần trên 50.000 DWT hoặc tàu thuyền có mớn nước sâu mà không thể hành trình an toàn trên Tuyến giao thông hai bên tuyến đường nước sâu nêu tại mục 3.2.

The Deep-water route (DW – Deep-water route), with a width of 350 meters, is bounded by control points: (1), (7), (9), (13), (17), (21), (25), (29), (39), (41), (43), (45), (47), (49), (44), (42), (40), (38), (36), (34), (26), (24), (20), (16), (12), (8), (2). This route is used for vessels with a deadweight tonnage exceeding 50.000DWT or vessels with deep draft that cannot safely navigate within the traffic lanes on either side of the Deep-water route specified in Section 3.2.

1.2. Tuyến giao thông và vạch ngăn cách

Traffic lanes and separation line

a) Tuyến chạy tàu một chiều nằm bên phải tuyến nước sâu, rộng 170 m, giới hạn bởi các điểm khống chế (3), (5), (11), (15), (19), (23), (27), (31), (33), (35), (37), (39); sử dụng cho tàu thuyền trọng tải không quá 50.000 DWT và có mớn nước phù hợp từ hướng biển hành trình vào các cảng tại cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp.

The one-way traffic lane on the right-hand side of the Deep-water route, 170 meters wide, is bounded by control points (3), (5), (11), (15), (19), (23), (27), (31), (33), (35), (37), (39). It is used for vessels of no more than 50,000 DWT and with a suitable draft, navigating from seaward into seaports located within the administrative area of Ho Chi Minh City, Dong Nai Province, Tay Ninh Province, and Dong Thap Province.

b) Tuyến chạy tàu một chiều nằm bên trái Tuyến nước sâu, rộng 170m, giới hạn bởi các điểm khống chế (4), (6), (10), (14), (18), (22), (28), (32), (46), (48), (50), (52); sử dụng cho tàu thuyền trọng tải không quá 50.000 DWT và có mớn nước phù hợp hành trình từ các cảng tại cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp ra khu vực Phao số “0”, Luồng hàng hải Vũng tàu - Thị Vải.

The one-way traffic lane on the left-hand side of the Deep-water route, 170 meters wide, is bounded by control points (4), (6), (10), (14), (18), (22), (28), (32), (46), (48), (50), (52). It is used for vessel not exceeding 50.000DWT and with an appropriate draft navigating from seaports within the administrative area of Ho Chi Minh City, Dong Nai Province, Tay Ninh Province, and Dong Thap Province to the vicinity of Buoy No. “0” of the Vung Tau – Thi Vai channel.

c) Vạch ngăn cách là đường đứt khúc nối các điểm khống chế nêu trên.

The separation line is a dashed line connecting the above-stated control points.

1.3. Vòng xoay

Roundabout

Vòng xoay là nơi hội tụ giao thông từ các hướng luồng hàng hải khác nhau trên sông Dinh, sông Cái Mép, sông Ngã Bảy và luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng Hydrocacbon Long Sơn; được thiết lập là vòng tròn có đường kính 1.600m. Tàu thuyền hành trình qua vòng xoay di chuyển theo hướng ngược chiều kim đồng hồ xung quanh tâm vòng xoay (30).

The Roundabout is the convergence area of traffic from multiple maritime channels: Dinh River, Cai Mep River, Nga Bay River, and the dedicated navigation channel to Long Son Hydrocarbon Port. It is established as a circular area with

a diameter of 1,600 meters. Vessels navigating through the Roundabout shall proceed anticlockwise around the center of the roundabout (30).

1.4. Vùng cảnh báo

Precautionary areas

a) Vùng cảnh báo số 1 rộng 690 m, dài 1.500 m, giới hạn bởi các điểm không chế (10), (11), (15), (14); sử dụng cho các tàu biển, tàu cá, tàu đưa đón hoa tiêu, tàu khách ... hành trình chạy cắt ngang hệ thống phân luồng hàng hải.

Precautionary Area No. 1, 690 meters wide and 1,500 meters long, bounded by control points (10), (11), (15), (14); used for seagoing vessels, fishing vessels, pilot boats, passenger vessels, etc. crossing the Traffic Separation Scheme.

b) Vùng cảnh báo số 2 rộng 690 m, dài 1.000 m, giới hạn bởi các điểm không chế (18), (19), (23), (22); sử dụng cho tàu cá, tàu đưa đón hoa tiêu, tàu khách ... hành trình chạy cắt ngang hệ thống phân luồng hàng hải.

Precautionary Area No. 2, 690 meters wide and 1,000 meters long, bounded by control points (18), (19), (23), (22); used for fishing vessels, pilot boats, passenger vessels, etc. crossing the Traffic Separation Scheme.

c) Vùng cảnh báo số 3: bề rộng 350 m, dài 500 m, giới hạn bởi các điểm không chế (41), (43), (40), (38); sử dụng cho tàu cá, phương tiện thủy nội địa ... có nhu cầu hành trình chạy cắt ngang luồng hàng hải tại khu vực đó.

Precautionary Area No. 3: 350 meters wide, 500 meters long, bounded by control points (41), (43), (40), (38); used for fishing vessels, inland waterway craft, etc. crossing the channel in this area.

1.5. Vùng nước giao thông ven bờ

Inshore traffic zone

Khu vực giới hạn giao thông ven bờ giới hạn bởi các điểm không chế: (59), (61), (63), (65), (67), (69), (71), (73), (75), (77), (79), (81), (35).

The Inshore traffic zone is bounded by control points: (59), (61), (63), (65), (67), (69), (71), (73), (75), (77), (79), (81), (35).

1.6. Vùng cần tránh

Area to be avoided

Vùng nước neo đậu tàu bên phao Hoàng Nguyên phía bên phải không chế bởi hai báo hiệu hàng hải chuyên dùng HN1, HN2.

The anchorage area of Hoang Nguyen buoy terminal on the right-hand side is bounded by two dedicated maritime aids to navigation, HN1 and HN2.

2. Hải đồ tham chiếu

Reference charts

- Hải đồ giấy và Hải đồ điện tử liên quan;

British Charts, related electronic Nautical charts;

- Hải đồ vùng nước cảng biển khu vực Vịnh Gành Rái.

Nautical Chart of Seaport waters in Ganh Rai Bay area.

(Phụ lục 2: Hải đồ vùng nước cảng biển khu vực Vịnh Gành Rái).

(Appendix 2: Nautical Chart of Seaport waters in Ganh Rai Bay area)

Chương II

THÔNG TIN, LIÊN LẠC VÀ QUY ĐỊNH BÁO CÁO

Chapter II

INFORMATION, COMMUNICATION AND REPORTING REGULATIONS

Điều 6. Thông tin liên lạc

Article 6. Communication

Thông tin liên lạc thực hiện theo quy định liên quan tại các Nghị quyết của IMO (MSC98/23/Add.1, A20/Res.851, A.1158(32)); Colreg 72; Quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 699/QĐ-CHHVN ngày 16/5/2024 của Cục Hàng hải Việt Nam; Nội quy các cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu sau:

Communication shall be carried out in accordance with the relevant provisions of IMO Resolutions (MSC98/23/Add.1, A20/Res.851, A.1158(32)); Colreg 72; the Regulation on the Management, Operation, and Utilization of the Saigon – Vung Tau Vessel Traffic Monitoring and Coordination System promulgated together with Decision No. 699/QĐ-CHHVN dated 16 May 2024 of the Vietnam Maritime Administration; Port Regulations of seaports within the management area of the Maritime Administration of Ho Chi Minh City and the following requirements:

1. Ngôn ngữ liên lạc

Language of communication

Tiếng Việt hoặc tiếng Anh (sử dụng Thuật ngữ thông tin giao tiếp trong hàng hải theo tiêu chuẩn IMO - IMO SMCP).

Vietnamese or English (using IMO Standard Marine Communication Phrases – IMO SMCP).

2. Thời gian liên lạc 24h/24h, theo giờ địa phương (UTC +7).

Communication shall be maintained 24 hours a day, local time (UTC +7).

3. Phương thức liên lạc

Means of communication

a) Thiết bị VHF:

- Trực canh: kênh 16;

- Kênh làm việc: kênh 06, kênh 08, kênh 12.

a) VHF radiocommunication:

- *Watchkeeping channel: Channel 16;*

- *Working channels: Channel 06, Channel 08, Channel 12.*

b) Thiết bị, kênh thông tin liên lạc khác theo hướng dẫn của Điều hành viên Trung tâm VTS.

b) Other communication equipment, channel as instructed by the Operator of VTS Center.

Điều 7. Vị trí báo cáo bắt buộc của tàu thuyền

Article 7. Mandatory Reporting Positions for vessels

Tàu thuyền trước khi tiếp cận và trong thời gian hoạt động trên hệ thống phân luồng phải thực hiện chế độ báo cáo bắt buộc; cụ thể như sau:

Vessels, prior to entering and while operating within the Traffic Separation Scheme, shall comply with mandatory reporting requirements as follows:

1. Đối với tàu hành trình đến cảng biển (tàu từ biển vào Vịnh Gành Rái)

For vessels inbound to the seaport (vessels approaching Ganh Rai Bay from the sea)

a) Vị trí báo cáo 1: khi tàu đến đường vĩ tuyến 10°15'28" N, là đường giới hạn ngoài của Vùng đón trả hoa tiêu 3 công bố tại Quyết định số 252/QĐ-CHVN ngày 28/4/2014 của Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam);

Reporting Position 1: When the vessel reaches latitude 10°15'28"N, which is the outer boundary of Pilot Boarding Area No. 3 as promulgated in Decision No. 252/QĐ-CHHVN dated 28 April 2014 of the Vietnam Maritime Administration (now the Vietnam Maritime and Waterway Administration);

b) Vị trí báo cáo 2: khi hoa tiêu lên tàu; khi tàu đến, rời vị trí neo đậu tại Khu neo Vũng Tàu (nếu có).

Reporting Position 2: When the pilot embarks; When the vessel arrives at or departs from an anchorage position within Vung Tau Anchorage Area (if any).

2. Đối với tàu hành trình từ phía trong Vịnh Gành Rái hướng ra biển

For vessels outbound from within Ganh Rai Bay to the sea

a) Vị trí báo cáo 1: khi tàu đến đường vĩ tuyến 10°31'14" N (khu vực Phao số 14, luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu) hay đến đường vĩ tuyến 10°27'24" N (khu vực Phao số 17, luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải) hoặc đến đường vĩ tuyến 10°24'21" N (khu vực Phao số 4 luồng hàng hải Sông Dinh);

Reporting Position 1: When the vessel reaches latitude 10°31'14" N (Buoy No. 14 – Sai Gon – Vung Tau Channel), or latitude 10°27'24" N (Buoy No. 17 – Vung Tau – Thi Vai Channel), or latitude 10°24'21" N (Buoy No. 4 – Dinh River Channel);

b) Vị trí báo cáo 2: khi hoa tiêu rời tàu, khi tàu đến, rời vị trí neo đậu (nếu có).

Reporting Position 2: When the pilot disembarks; When the vessel arrives at or departs from an anchorage position (if any).

3. Đối với trường hợp khác (Vị trí báo cáo 3)

Other cases (Reporting Position 3)

a) Tàu khách trước khi tiếp cận Khu vực cảnh báo để điều động tàu chạy cắt ngang hệ thống phân luồng;

Passenger vessels, prior to approaching a Precautionary Area to maneuver and cross the Traffic Separation Scheme;

b) Tàu thuyền khác (trừ tàu cá; tàu đưa đón hoa tiêu; tàu công vụ) chạy cắt hệ thống phân luồng để vào, rời vị trí neo đậu hay thực hiện các hoạt động hàng hải khác.

Other vessels (excluding fishing vessels, pilot boats, and public service vessels) crossing the Traffic Separation Scheme to enter or leave an anchorage position or to conduct other maritime operations.

Điều 8. Tiếp nhận báo cáo, cung cấp thông tin và hướng dẫn, khuyến cáo an toàn tới tàu thuyền

Article 8. Reception of reports, provision of information, and issuance of navigational guidance and safety recommendations to vessels

1. Trung tâm VTS

VTS Center

Ngoài quản lý, vận hành, khai thác hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu theo quy định, Trung tâm VTS có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận báo cáo, cập nhật thông tin từ tàu thuyền hoạt động trên hệ thống phân luồng hàng hải và thực hiện công tác điều phối giao thông trên hệ thống phân luồng; cung cấp, xử lý thông tin liên quan đến hoạt động của tàu thuyền tại khu vực Vịnh Gành Rái - Vũng Tàu.

In addition to managing, operating, and utilizing the Saigon – Vung Tau Maritime Traffic Monitoring and Coordination System in accordance with regulations, the VTS Center shall be responsible for receiving reports and updating information from vessels operating within the Traffic Separation Scheme; carrying out traffic coordination within the Traffic Separation Scheme; and providing and processing information related to vessel operations in the Ganh Rai Bay – Vung Tau area.

2. Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh

Maritime Administration of Ho Chi Minh City

Duy trì trực ban 24h/24h trong ngày; kịp thời tổng hợp, lập, cập nhật Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày, thông tin liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong khu vực và chỉ đạo Trung tâm VTS thực hiện công tác giám sát, điều phối giao thông trên hệ thống phân luồng, xử lý thông tin liên quan đến hoạt động của tàu thuyền tại khu vực Vịnh Gành Rái.

Maintain a 24-hour duty watch; promptly consolidate, prepare, and update the daily Maneuvering plan and information related to maritime safety, maritime security, and environmental pollution prevention within the area; and direct the VTS Center to carry out the monitoring and coordination of traffic within the Traffic Separation Scheme and process information related to vessel operations in the Ganh Rai Bay area.

Điều 9. Đối tượng và nội dung báo cáo

Article 9. Reporting Subjects and Reporting Contents

Trừ tàu quân sự, tàu công vụ và tàu đang làm nhiệm vụ phục vụ cho mục đích an ninh, quốc phòng, tàu thuyền khác phải thực hiện chế độ báo cáo bắt buộc theo quy định. Nội dung báo cáo như sau:

Except for military vessels, public service vessels, and vessels performing missions serving security or national defense purposes, all other vessels shall comply with mandatory reporting requirements. The reporting contents are as follows:

1. Vị trí báo cáo 1:

Reporting Position 1:

a) Tên tàu, hô hiệu hoặc số đăng ký (đối với phương tiện thủy nội địa);

Vessel name, call sign, or registration number (for inland waterway craft);

b) Thời gian, vị trí dự kiến đón, trả hoa tiêu (đối với tàu thuộc đối tượng áp dụng chế độ hoa tiêu hàng hải) hoặc thời gian dự kiến đến Phao số “0” (đối với tàu thuyền khác) - nếu được Trung tâm VTS yêu cầu;

Estimated time and position for pilot boarding or disembarking (for vessels subject to compulsory pilotage) or the estimated time of arrival at Buoy No. “0” (for other vessels) - if requested by the VTS Center;

c) Trọng tải toàn phần (DWT), mớn nước thực tế của tàu và Kế hoạch hành trình (cảng đến hay vị trí neo đậu kế tiếp) hoặc thông tin liên quan khác nếu được Trung tâm VTS yêu cầu;

Deadweight tonnage (DWT), actual draft, and Voyage plan (intended port of entry or anchorage position), or other relevant information if requested by the VTS Center;

d) Sự cố, hư hỏng của tàu hay yêu cầu hỗ trợ khác (nếu có).

Incident, or damage to the vessel, or other requests for assistance (if any).

2. Vị trí báo cáo 2:

Reporting Position 2:

a) Tên tàu;

Vessel name;

b) Thông tin liên quan an toàn hàng hải, an ninh hàng hải (nếu có).

Any information related to maritime safety, maritime security (if any).

Điều 10. Thông tin cung cấp cho tàu

Article 10. Information Provided to Vessels

1. Kế hoạch điều động tàu thuyền; kế hoạch hoa tiêu; cấp độ, thông tin an ninh hàng hải khu vực; vị trí tàu được chỉ định neo đậu hoặc vị trí kiểm dịch (nếu tàu có nhu cầu);

Maneuvering plan; pilotage plan; maritime security level and security information of the area; designated anchorage position or phytosanitary position (upon the vessel's request);

2. Thông báo, hướng dẫn về tuyến giao thông cho tàu hành trình trên hệ thống phân luồng;

Notifications and guidance regarding the traffic route for vessels navigating within the Traffic Separation Scheme;

3. Thông tin liên quan đến hoạt động của tàu thuyền khác (tên tàu, vị trí hay hạn chế về khả năng điều động...) có thể làm ảnh hưởng đến an toàn hàng hải trong khu vực;

Information related to the operations of other vessels (including vessel name, position, or limitations on maneuverability, etc.) that may affect maritime safety within the area;

4. Thông tin chỉ dẫn, cảnh báo an toàn hay những yêu cầu hạn chế hàng hải khác (nếu có);

Navigational instructions, safety warnings, or other maritime restrictions (if any);

5. Thông tin khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

Other information affecting maritime safety, maritime security, or environmental protection.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN

TRÊN HỆ THỐNG PHÂN LUỒNG HÀNG HẢI

CHAPTER III

VESSEL OPERATIONS WITHIN THE TRAFFIC SEPARATION SCHEME

Điều 11. Nguyên tắc chung công tác quản lý, điều phối hoạt động của tàu thuyền

Article 11. General Principles for the Management and Coordination of Vessels

1. Tàu thuyền hành trình trên hệ thống phân luồng hàng hải phải tuân thủ Điều 10 Colreg 72 và các quy định liên quan của Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, Nội quy các cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định liên quan khác của pháp luật hàng hải Việt Nam, các Công ước quốc tế liên quan mà Việt Nam ký kết.

Vessels navigating within the Traffic Separation Scheme shall comply with Rule 10 of COLREG 72 and relevant provisions of Decree No. 58/2017/ND-CP dated 10 May 2017 of the Government elaborating some articles of the Vietnam Maritime Code on management of maritime operations; Port Regulations of seaports within the management area of Maritime Administration of Ho Chi Minh City; and other relevant provisions of Vietnamese maritime law and applicable international conventions to which Vietnam is a party member.

2. Trung tâm VTS tiếp nhận báo cáo; cung cấp thông tin an toàn hàng hải, an ninh hàng hải; tổ chức điều phối giao thông và đưa ra các chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn tới tàu thuyền. Thuyền trưởng phải chịu trách nhiệm về quyết định điều động của mình.

VTS Center shall receive reports; provide information on maritime safety and maritime security, organize traffic coordination and issue navigational instructions and safety recommendations to vessels. The Master remains responsible for all maneuvering decisions.

3. Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác quản lý, giám sát và chỉ đạo Trung tâm VTS tổ chức điều phối giao thông trên hệ thống phân luồng, đảm bảo trật tự và an toàn cho hoạt động của tàu thuyền.

The Maritime Administration of Ho Chi Minh City shall manage, supervise, and direct the VTS Center to conduct traffic coordination within the Traffic Separation Scheme, ensuring order and safety for vessel operations.

Điều 12. Yêu cầu công tác quản lý, điều phối tàu thuyền trên hệ thống phân luồng

Article 12. Requirements for the Management and Coordination of Vessels within the Traffic Separation Scheme

1. Quy tắc 1: Tuyến nước sâu chủ yếu được sử dụng cho các tàu có trọng tải toàn phần trên 50.000 DWT hoặc tàu có kết cấu, mớn nước lớn không bảo đảm an toàn để hành trình bên ngoài tuyến nước sâu.

Rule 1: The Deep-water Route shall be primarily used by vessels with a deadweight tonnage exceeding 50.000 DWT or by vessels whose structural characteristics or deep draft do not ensure safe navigation outside the Deep-water Route.

2. Quy tắc 2: Bảo đảm “chân hoa tiêu” không dưới 10% so với mớn nước thực tế của tàu.

Rule 2: Under-keel clearance (UKC) shall not be less than 10% of the vessel's actual draft.

3. Quy tắc 3: Khi hành trình trên hệ thống phân luồng hoặc trước khi điều động tàu chạy cắt ngang qua hệ thống phân luồng hàng hải, Thuyền trưởng có trách nhiệm bố trí người trực cảnh giới tại vị trí phù hợp.

Rule 3: When navigating within the Traffic Separation Scheme or prior to maneuvering to cross the Traffic Separation Scheme, the Master shall assign a proper lookout at an appropriate position.

4. Quy tắc 4: Tàu được trang bị thiết bị Radar/ thiết bị AIS, phải đảm bảo thiết bị được sử dụng một cách hiệu quả, luôn trong trạng thái hoạt động ở chế độ phù hợp. Trường hợp tàu đang hành trình trên hệ thống phân luồng và trên tàu được trang bị 02 máy VHF, duy trì 01 máy trực canh trên kênh 16 VHF và 01 máy thường trực trên kênh làm việc của Trung tâm VTS hoặc kênh chỉ định khác theo hướng dẫn của Điều hành viên Trung tâm VTS.

Rule 4: Vessels equipped with radar/ AIS shall ensure that such equipment is used effectively and maintained in proper operational mode at all times. For vessels navigating within the Traffic Separation Scheme fitted with 02 VHF units, 01 VHF set shall maintain watch on Channel 16, and one set shall remain on the working channel of VTS Center or another designated channel as instructed by the Operator of VTS Center.

5. Quy tắc 5: Tàu thuyền vượt trên hệ thống phân luồng phải thông báo ý định của mình cho tàu thuyền bị vượt, Điều hành viên Trung tâm VTS biết và chỉ được phép thực hiện khi được sự đồng ý của Thuyền trưởng tàu bị vượt.

Rule 5: A vessel intending to overtake another vessel within the Traffic Separation Scheme must inform the vessel to be overtaken and the Operator of VTS Center of its intention and may only proceed when consent is obtained from the Master of the vessel being overtaken.

6. Quy tắc 6: Tàu thuyền hành trình trong hệ thống phân luồng hàng hải phải hành trình trong tuyến phù hợp theo sự chỉ dẫn, điều phối giao thông của Điều hành viên Trung tâm VTS.

Rule 6: Vessels navigating within the Traffic Separation Scheme shall proceed in the appropriate route as instructed and coordinated by the Operator of VTS Center.

7. Quy tắc 7: Tàu thuyền nếu bắt buộc phải chạy cắt ngang qua hệ thống phân luồng thì phải cắt luồng tại khu vực được phép theo quy định và việc chạy cắt luồng không được gây cản trở đến hành trình an toàn của tàu thuyền khác trên luồng. Trừ tàu cá, tàu đưa đón hoa tiêu và tàu công vụ, tàu thuyền khác có ý định chạy cắt ngang qua hệ thống phân luồng phải thông báo cho Trung tâm VTS biết về ý định điều động của mình và chỉ thực hiện sau khi được Điều hành viên Trung tâm VTS chấp thuận.

Rule 7: Vessels that are required to cross the Traffic Separation Scheme must do so only at the designated crossing areas and in a manner that does not impede the safe navigation of other vessels within the channel. Except for fishing vessels, pilot boats, and public service vessels, all other vessels intending to cross the Traffic Separation Scheme must notify the VTS Center of their maneuvering intention and may only proceed after receiving approval from the Operator of VTS Center.

8. Quy tắc 8: Nghiêm cấm tàu cá thả neo hoặc thực hiện các hoạt động khai thác thủy hải sản trong hệ thống phân luồng. Tàu cá sử dụng khu vực giao thông ven bờ (Inshore traffic zone) để hành trình nếu tàu có thể điều động an toàn trong vùng nước ven bờ đó.

Rule 8: Fishing vessels are prohibited from anchoring or conducting fishing operations within the Traffic Separation Scheme. Fishing vessels shall use the Inshore Traffic Zone for navigation, provided that they are able to maneuver safely within such inshore waters.

9. Quy tắc 9: Tàu thuyền bị sự cố kỹ thuật hay hạn chế khác làm ảnh hưởng đến khả năng điều động tàu phải thực hiện các biện pháp khắc phục phù hợp trước khi điều động tàu vào hành trình trên hệ thống phân luồng.

Rule 9: Vessels experiencing technical failures or other limitations affecting their maneuvering capability shall take appropriate corrective measures before maneuvering to navigate within the Traffic Separation Scheme.

10. Quy tắc 10: Trường hợp tàu gặp tai nạn, sự cố hàng hải trên hệ thống phân luồng, nếu điều kiện thực tế cho phép, Thuyền trưởng có trách nhiệm càng

sớm càng tốt đưa tàu rời hệ thống phân luồng đến neo đậu an toàn tại vị trí được Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh chỉ định.

Rule 10: In the event of a maritime accident or incident within the Traffic Separation Scheme, and if conditions permit, the Master shall, as soon as practicable, move the vessel out of the Traffic Separation Scheme and anchor at a safe position designated by the Maritime Administration of Ho Chi Minh City.

11. Quy tắc 11: Tuân thủ hướng dẫn, điều phối của Trung tâm VTS về “Tuyến đường nước sâu” hay “Tuyến giao thông” cụ thể mà tàu được chỉ định hành trình trên hệ thống phân luồng và thực hiện chỉ đạo liên quan khác của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

Rule 11: Vessels shall comply with the instructions, coordination of the VTS Center regarding the designated Deep-water Route or designated Traffic Lane assigned for navigation within the Traffic Separation Scheme and shall comply with other relevant directives of the Maritime Administration of Ho Chi Minh City.

Điều 13. Trách nhiệm của thuyền trưởng

Article 13. Responsibilities of the Master

1. Cập nhật, nghiên cứu Quy chế này và các quy định liên quan;

Update and study this Regulation and other relevant provisions;

2. Thực hiện hoặc giao cho hoa tiêu dẫn tàu thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin hoặc theo quy định;

Carry out, or authorize the pilot conducting pilotage to carry out, the reporting and information provision requirements as prescribed;

3. Chấp hành nghiêm chỉnh Quy tắc quốc tế phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (Colreg 72) và kịp thời phối hợp ứng phó với tai nạn, sự cố (nếu có) xảy ra trên hệ thống phân luồng.

Strictly comply with the International Regulations for Preventing Collisions at Sea (COLREG 72) and promptly coordinate in responding to any accident or incident occurring within the Traffic Separation Scheme (if any);

4. Báo cáo đầy đủ, kịp thời sự cố, tai nạn hàng hải xảy ra với tàu mình hoặc sự cố, tai nạn hàng hải phát hiện được trong quá trình điều động tàu (nếu có).

Fully and promptly report any maritime accident or incident involving the vessel, as well as any accident or incident detected during vessel maneuvering (if any);

5. Thực hiện các chỉ đạo liên quan khác của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

Comply with other relevant directives issued by the Maritime Administration of Ho Chi Minh City.

Điều 14. Trách nhiệm của hoa tiêu dẫn tàu

Article 14. Responsibilities of the Pilot

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải theo quy định tại Điều 251, Điều 253 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và Điều 104, Điều 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.

Fulfill the rights, obligations, and responsibilities of a maritime pilot as prescribed in Articles 251, Articles 253 of the Vietnam Maritime Code 2015, and Articles 104, Articles 105 of Decree No. 58/2017/ND-CP dated 10 May 2017 of the Government;

2. Thay mặt Thuyền trưởng thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp chính xác, kịp thời thông tin theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Quy chế này.

On behalf of the Master, fulfill reporting and information provision requirements accurately and in a timely manner in accordance with Article 7 and Article 9 of this Regulation.

3. Thông báo (thông tin truyền phát lại) với Thuyền trưởng các chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn của Trung tâm VTS và chỉ đạo liên quan khác của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

Inform (retransmit information to) the Master of all instructions, safety recommendations issued by the VTS Center, and other directives of the Maritime Administration of Ho Chi Minh City;

4. Báo cáo đầy đủ, kịp thời sự cố, tai nạn hàng hải xảy ra với tàu mình đang dẫn hoặc phát hiện được trong quá trình dẫn tàu (nếu có).

Fully and promptly report any maritime accident or incident involving the vessel under pilotage or any accident or incident detected during pilotage operations (if any).

Chương IV

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

CHAPTER IV

**COORDINATION RESPONSIBILITIES OF RELEVANT
ORGANIZATIONS AND INDIVIDUALS**

Điều 15. Nguyên tắc phối hợp

Article 15. Principles of Coordination

1. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, chỉ đạo các bên liên quan trong công tác quản lý, giám sát, điều phối hoạt động của tàu thuyền trên hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường; Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý, giám sát và điều phối giao thông trên hệ thống phân luồng hàng hải báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định.

The Maritime Administration of Ho Chi Minh City shall take the lead and direct relevant parties in the management, monitoring, and coordination of vessel operations within the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay, ensuring maritime safety, maritime security, fire and explosion prevention, and environmental protection; and shall periodically consolidate and report the status and results of the management, monitoring, and coordination of traffic within the Traffic Separation Scheme to the Vietnam Maritime and Waterway Administration in accordance with regulations.

2. Ngoài tuân thủ quy định tại Quy chế quản lý, khai thác VTS, quan hệ phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh với các đơn vị liên quan theo quy định pháp luật, trong đó tập trung vào nhiệm vụ phối hợp đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và ứng phó kịp thời, hiệu quả với tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra (nếu có) trong khu vực.

In addition to complying with the Regulation on VTS Management and Operation, the coordination relationship between the Maritime Administration of Ho Chi Minh City and relevant units shall be conducted in accordance with law, with a focus on cooperation in ensuring maritime safety, maritime security, fire and explosion prevention, environmental pollution prevention, timely and effective response to maritime accidents and incidents occurring within the area (if any).

Điều 16. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải Việt Nam

Article 16. Coordination Between the Maritime Administration of Ho Chi Minh City and the Vietnam Maritime Safety Corporation

1. Trao đổi, thống nhất nội dung tu chỉnh hải đồ vùng nước cảng biển và thống nhất việc cập nhật thông tin về Hệ thống phân luồng giao thông tại Vịnh Gành Rái vào Hải đồ vùng nước cảng biển.

Exchange and reach agreement on the contents of amendments to the nautical charts of seaport waters, and agree on the updating of information on the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay in such nautical charts.

2. Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam có trách nhiệm cung cấp kịp thời đến Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh tình hình hoạt động các báo hiệu hàng hải trên hệ thống phân luồng, Hải đồ vùng nước cảng biển, Bình đồ luồng hàng hải liên quan và kịp thời báo cáo khi có sự thay đổi vị trí, đặc tính kỹ thuật của báo hiệu hàng hải, của luồng hàng hải do Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam quản lý, vận hành.

The Vietnam Maritime Safety Corporation shall promptly provide the Maritime Administration of Ho Chi Minh City with information on the status of maritime aids to navigation within the Traffic Separation Scheme, nautical charts of seaport waters, and relevant channel diagrams; and shall promptly report any change in the position or technical characteristics of maritime aids to navigation of the channels under the management and operation of the Vietnam Maritime Safety Corporation.

Điều 17. Phối hợp giữa Trung tâm VTS với các tổ chức hoa tiêu

Article 17. Coordination between VTS Center and Pilotage Organizations

1. Chậm nhất trước 16 giờ 00 hàng ngày, các tổ chức hoa tiêu (Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng, Công ty CP Dịch vụ và vận tải biển Vũng tàu, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải Miền Nam) có trách nhiệm gửi Kế hoạch dẫn tàu của ngày kế tiếp bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Trung tâm VTS; Trường hợp Kế hoạch dẫn tàu có thay đổi hoặc yêu cầu phát sinh khác, tổ chức hoa tiêu có trách nhiệm cập nhật, gửi lại Kế hoạch mới cho Cảng vụ hàng hải biết để kịp thời điều chỉnh Kế hoạch điều động tàu hàng ngày và trực ban hoa tiêu phải thông báo ngay cho Điều hành viên Trung tâm VTS qua điện thoại hoặc hình thức thông tin phù hợp khác.

No later than 16:00 each day, pilotage organizations (Newport Pilot Company Limited, Vung Tau Shipping and Services Joint Stock Company, and Southern Vietnam Maritime Pilotage Single-Member Limited Liability Company) shall submit the pilotage plan for the following day, in writing or by email, to the VTS Center. In case of any changes to the pilotage plan or other arising

requirements, the pilotage organization shall update and resubmit the revised plan to the Maritime Administration of Ho Chi Minh City for timely adjustment of the daily Maneuvering plan, and the Pilot on Duty shall immediately notify the Operator of VTS Center by telephone or other appropriate means of communication.

2. Trung tâm VTS có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh trường hợp hoa tiêu dẫn tàu vi phạm quy định pháp luật hàng hải hiện hành, vi phạm Quy chế này hay hành vi không tuân thủ cảnh báo, khuyến cáo an toàn hàng hải khác.

VTS Center shall consolidate and report to the Maritime Administration of Ho Chi Minh City any violations by pilots of maritime legislation, this Regulation, or any failure to comply with navigational instructions or safety recommendations.

3. Tổ chức hoa tiêu kịp thời thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông tin an toàn, thông tin liên quan đến công tác điều phối giao thông trên hệ thống phân luồng tiếp nhận từ Trung tâm VTS hay các yêu cầu bảo đảm an toàn liên quan khác và có các biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của hoa tiêu dẫn tàu.

Pilotage organizations shall promptly notify pilots of safety information and information related to traffic coordination within the Traffic Separation Scheme received from the VTS Center or other safety requirements, and shall implement measures to closely manage and supervise pilotage activities.

Điều 18. Phối hợp giữa Thuyền trưởng và Điều hành viên Trung tâm VTS

Article 18. Coordination Between the Master and the Operator of VTS Center

1. Ngoài việc đảm bảo thiết bị AIS được kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ theo quy định và phải duy trì hoạt động của AIS trên tàu theo chế độ 24/7; duy trì trực canh VHF trên kênh làm việc phù hợp và tuân thủ các yêu cầu báo cáo thông tin khi tàu hoạt động trên Hệ thống phân luồng hàng hải tại Gành Rái, Thuyền trưởng có trách nhiệm:

In addition to ensuring that the AIS equipment is technically inspected and periodically maintained in accordance with regulations, and that AIS operation on board is continuously maintained on a 24/7 basis; maintaining VHF watch on the appropriate working channel, and complying with reporting requirements when operating within the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai, the Master shall:

a) Xác nhận việc tiếp nhận các thông tin từ Điều hành viên Trung tâm VTS khi được yêu cầu.

Acknowledge receipt of information transmitted by the Operator of VTS Center when requested.

b) Phản hồi phù hợp đối với ý kiến chỉ định, hướng dẫn về tuyến giao thông tàu được phép hành trình trong hệ thống phân luồng hay thông tin an toàn hàng hải từ Điều hành viên Trung tâm VTS.

Provide appropriate responses to designations and guidance regarding the traffic route assigned for the vessel's navigation within the Traffic Separation Scheme, or to maritime safety information issued by the Operator of VTS Center.

c) Kịp thời thông báo đến Điều hành viên Trung tâm VTS trong các trường hợp có tai nạn, sự cố hoặc tình huống ảnh hưởng đến an toàn của tàu; hư hỏng, sai lệch của báo hiệu hàng hải, của kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng cảng biển. Kịp thời báo cáo, đề xuất điều chỉnh kế hoạch hành trình của tàu trong hệ thống phân luồng (nếu có thay đổi).

Promptly notify the Operator of VTS Center in the event of any accident, incident, or situation affecting the safety of the vessel; any damage to or discrepancy of maritime aids to navigation; or any damage to public maritime infrastructure. Promptly report and propose adjustments to the vessel's voyage plan within the Traffic Separation Scheme (if changes arise).

2. Điều hành viên Trung tâm VTS có trách nhiệm

The Operator of VTS Center shall:

a) Thông tin tới Thuyền trưởng về tuyến giao thông tàu được phép hành trình trong hệ thống phân luồng và giám sát chặt chẽ hoạt động của tàu.

Inform the Master of the traffic route assigned for the vessel's navigation within the Traffic Separation Scheme, and closely monitor the vessel's operations.

b) Kịp thời cung cấp thông tin hay cảnh báo, khuyến cáo an toàn cần thiết cho thuyền trưởng và tiếp nhận, phản hồi thông tin hay yêu cầu hợp pháp của thuyền trưởng.

Promptly provide necessary information, warnings, and safety recommendations to the Master, and receive and respond to the Master's lawful requests or information.

c) Tiếp nhận, xử lý thông tin liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ được thuyền trưởng cung cấp, báo cáo.

Receive and process information related to maritime safety, maritime security, environmental pollution, and fire and explosion prevention as provided, reported by the Master.

Điều 19. Phối hợp giữa hoa tiêu dẫn tàu và Điều hành viên Trung tâm VTS

Article 19. Coordination Between the Pilot and the Operator of VTS Center

1. Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm:

The Pilot shall:

- Thông báo kịp thời đến điều hành viên Trung tâm VTS về thời điểm hoa tiêu lên, rời tàu hay thời điểm bắt đầu, kết thúc việc dẫn tàu.

Promptly notify the Operator of VTS Center of the time of pilot boarding, pilot disembarkation, and the commencement and completion of pilotage operations.

- Tiếp nhận, chuyển tiếp chính xác, đầy đủ thông tin từ điều hành viên Trung tâm VTS đến Thuyền trưởng hoặc ngược lại, từ Thuyền trưởng đến điều hành viên Trung tâm VTS.

Receive and accurately retransmit information from the Operator of VTS Center to the Master, and vice versa, from the Master to the Operator of Vung Tau VTS Center.

- Thông báo thông tin liên quan đến vị trí, hành trình của tàu và ý định điều động của Thuyền trưởng đến Trung tâm VTS khi được yêu cầu.

Notify the VTS Center, upon request, of information related to the vessel's position, voyage, and the Master's maneuvering intentions.

- Thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định.

Comply with reporting and information provision requirements as prescribed.

2. Điều hành viên Trung tâm VTS có trách nhiệm:

The Operator of VTS Center shall:

- Thông báo đến hoa tiêu dẫn tàu về tuyến giao thông tàu được phép hành trình trong hệ thống phân luồng và các yêu cầu liên quan khác của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

Notify the Pilot of the traffic route assigned for the vessel's navigation within the Traffic Separation Scheme and other requirements of the Maritime Administration of Ho Chi Minh City.

- Cảnh báo đến hoa tiêu dẫn tàu khi phát hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật hàng hải liên quan đến tàu được dẫn (chạy quá tốc độ; hoa tiêu lên, rời tàu không đúng vị trí quy định; hoa tiêu dẫn tàu không đúng Kế hoạch dẫn tàu hàng ngày của tổ chức hoa tiêu ...) hay hành vi vi phạm Quy chế này (tàu hành trình không đúng tuyến giao thông được chỉ định; không thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định ...).

Issue warnings to the pilot upon detecting violations of maritime legislation related to the piloted vessel (excessive speed; improper pilot boarding or disembarkation position; deviation from the daily pilotage plan; etc.) or violations of this Regulation (navigation outside the designated traffic route; failure to comply with reporting and information provision requirements; etc.).

- Cung cấp thông tin an toàn cần thiết cho hoa tiêu dẫn tàu và tiếp nhận, phản hồi thông tin của hoa tiêu dẫn tàu.

Provide necessary safety information to the Pilot, and receive and respond to information provided by the Pilot.

Điều 20. Phối hợp giữa Trung tâm VTS và trực ban kế hoạch thuộc Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh

Article 20. Coordination between the VTS Center and the Planning Duty Unit of the Maritime Administration of Ho Chi Minh City

1. Chậm nhất 17 giờ 00 hàng ngày, bộ phận trực ban kế hoạch có trách nhiệm gửi Kế hoạch điều động tàu thuyền ngày hôm sau cho Trung tâm VTS. Trường hợp Kế hoạch điều động tàu thuyền có thay đổi hoặc bổ sung, trực ban kế hoạch có trách nhiệm kịp thời thông báo cho Giám sát viên Trung tâm VTS bằng điện thoại hoặc hình thức thông tin phù hợp khác.

No later than 17:00 daily, the Planning Duty Unit shall send the Maneuvering plan for the following day to the VTS Center. In case of changes or additions to the Maneuvering plan, the Planning Duty Unit shall promptly inform the Supervisor of VTS Center by telephone or other appropriate means of communication.

2. Khi áp dụng “Vùng đón trả hoa tiêu trong điều kiện thời tiết xấu”, khi có yêu cầu hạn chế giao thông trên luồng hàng hải (nạo vét luồng; báo hiệu hàng hải bị trôi dạt, bị chìm; vận chuyên, lai kéo cầu kiện giàn khoan, cầu bờ siêu trường, siêu trọng; ứng phó, xử lý tai nạn, sự cố hàng hải; giông lốc cục bộ trên biển có

nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn hàng hải; diễn tập...), khi thay đổi cấp độ an ninh tại cảng biển hoặc khi có yếu tố khác làm ảnh hưởng đến điều kiện an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại khu vực, trực ban kế hoạch có trách nhiệm cung cấp kịp thời thông tin cần thiết cho Giám sát viên Trung tâm VTS để phối hợp thông báo, cảnh báo đến tàu thuyền.

When the “Pilot Boarding Area under Adverse Weather Conditions” is applied; when traffic restrictions are imposed on the maritime channel (dredging operations; drifting or submerged maritime aids to navigation; towing or transporting offshore structures, heavy-lift cranes; handling of maritime accidents or incidents; severe localized weather affecting navigation; drills, etc.); when the security level at seaports changes; or when other factors arise affecting maritime safety, maritime security, fire and explosion prevention, or environmental prevention in the area, the Planning Duty Unit shall promptly provide necessary information to the Supervisor of VTS Center to coordinate the issuance of notifications and warnings to vessels.

3. Ngay khi nhận được Kế hoạch điều động tàu thuyền, thông tin an toàn hay thông tin về điều kiện hàng hải liên quan khác từ trực ban kế hoạch, Giám sát viên Trung tâm VTS có trách nhiệm tổng hợp thông tin và dựa vào chủng loại, kích thước tàu thuyền, Kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu, mật độ giao thông thực tế tại khu vực để tổng hợp, xem xét thực hiện công tác chỉ dẫn, cảnh báo an toàn và điều phối giao thông trên hệ thống phân luồng. Trường hợp cần thiết, Giám sát viên Trung tâm VTS thảo luận, thống nhất với trực ban kế hoạch xem xét, điều chỉnh lại kế hoạch điều động tàu thuyền cho phù hợp tình hình thực tế.

Upon receiving the Maneuvering plan, safety information, or other relevant maritime condition information from the Planning Duty Unit, the Supervisor of VTS Center shall consolidate such information and, based on vessel type and size, the pilotage plan, and the actual traffic density in the area, consolidate, consider carrying out navigational guidance, issuing safety warnings, and coordinating maritime traffic within the Traffic Separation Scheme. Where necessary, the Supervisor of VTS Center shall consult and reach an agreement with the Planning Duty Unit to review and adjust the Maneuvering plan to ensure consistency with actual conditions.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

Perform other tasks as directed by the leadership of the Maritime Administration of Ho Chi Minh City.

Phụ lục 1. Sơ đồ Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái
Appendix 1. Diagram of the Traffic Separation Scheme in Ganh Rai Bay

